

BỘ QUỐC PHÒNG
Số: 09/2003/TT-BQP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 29 tháng 1 năm 2003

THÔNG TƯ CỦA BỘ QUỐC PHÒNG

Về việc Hướng dẫn thực hiện điều chỉnh mức lương tối thiểu đối với quân nhân,
công nhân viên chức quốc phòng hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp từ nguồn kinh phí thuộc ngân sách Nhà nước

Thực hiện Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ về việc điều chỉnh tiền lương, trợ cấp xã hội và đổi mới một bước cơ chế quản lý tiền lương.

Sau khi có thỏa thuận của Bộ Nội vụ (tại Công văn số 161/BNV-TL ngày 24/01/2003), Bộ Tài chính (tại Công văn số 973/TC-VI ngày 27/01/2003), Bộ Lao động Thương binh và xã hội (tại Công văn số 211/LĐTBXH-TL ngày 21/01/2003); Bộ Quốc phòng hướng dẫn thực hiện như sau:

A. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG

Sĩ quan quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ, công nhân viên chức quốc phòng (kể cả lao động hợp đồng trong chỉ tiêu biên chế của Bộ Tổng tham mưu) hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp từ nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước.

Các đối tượng nói trên bao gồm cả những người đang công tác, đi học, thực tập trong và ngoài nước; người chờ giải quyết chính sách đang hưởng lương, phụ cấp tại đơn vị

B. CÁCH TÍNH LẠI MỨC LƯƠNG, PHỤ CẤP VÀ TRỢ CẤP

Căn cứ vào hệ số mức lương, phụ cấp và trợ cấp quy định tại Nghị định 25/CP, 26/CP ngày 23/5/1993; Nghị định 04/2001/NĐ-CP ngày 16/01/2001 của Chính phủ; Quyết định 595/TTg ngày 15/12/1993 của Thủ tướng Chính phủ và mức lương tối thiểu được điều chỉnh lại theo quy định tại khoản 1, Điều 1 Nghị định 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ để tính lại mức lương, phụ cấp và trợ cấp để thực hiện từ ngày 01/01/2003 như sau:

1- Công thức tính lại mức lương và mức phụ cấp quân hàm.

a- Công thức tính lại mức lương.

Mức lương thực hiện từ 01/01/2003	=	Mức lương tối thiểu 290.000 đ/tháng	x	Hệ số mức lương hiện hưởng
-----------------------------------	---	-------------------------------------	---	----------------------------

Ví dụ: Mức lương quân hàm của sĩ quan cấp Đại uý từ ngày 01/01/2003 là:

290.000đồng/tháng x 4,15 = 1.203.500 đồng/tháng.

b- Công thức tính lại mức phụ cấp quân hàm của Hạ sĩ quan, Binh sĩ.

Mức phụ cấp quân hàm thực hiện từ 01/01/2003	=	Mức lương tối thiểu 290.000 đ/tháng	x	Hệ số phụ cấp quân hàm hiện hưởng
--	---	-------------------------------------	---	-----------------------------------

Ví dụ: Mức phụ cấp quân hàm của chiến sĩ Binh nhì từ ngày 01/01/2003 là:

290.000 đồng/tháng x 0,30 = 87.000 đồng/tháng.

2- Công thức tính lại mức phụ cấp.

2.1- Đối với những người hưởng lương.

a- Các khoản phụ cấp tính theo lương tối thiểu.

Mức phụ cấp thực hiện từ 01/01/2003	=	Mức lương tối thiểu 290.000 đ/tháng	x	Hệ số phụ cấp được hưởng theo quy định
-------------------------------------	---	-------------------------------------	---	--

Ví dụ: Mức phụ cấp chức vụ của Đại đội trưởng từ ngày 01/01/2003 là:

$$290.000 \text{ đồng/tháng} \times 0,25 = 72.500 \text{ đồng/tháng.}$$

b- Các khoản phụ cấp tính theo tiền lương cấp bậc quân hàm hoặc lương ngạch bậc.

Mức phụ cấp thực hiện từ 01/01/2003	=	Mức lương thực hiện từ ngày 01/01/2003	x	Tỷ lệ phụ cấp được hưởng theo quy định
-------------------------------------	---	--	---	--

Ví dụ: Đồng chí A, cấp bậc Đại úy, mức lương tháng 01/2003 là 1.203.500 đồng, ở đảo Thổ Chu (tỉnh Kiên Giang) có mức phụ cấp đặc biệt là 50%, thì được hưởng phụ cấp là:

$$1.203.500 \text{ đồng/tháng} \times 50\% = 601.750 \text{ đồng/tháng.}$$

2.2- Đối với Hạ sĩ quan, Binh sĩ.

a- Các khoản phụ cấp được tính theo hệ số như: Phụ cấp khu vực: Phụ cấp độc hại, nguy hiểm; thì được tính theo mức quân hàm Binh nhì thực hiện từ ngày 01/01/2003.

Ví dụ: Đồng chí B, cấp bậc Binh nhì làm nhiệm vụ ở quần đảo Trường sa có mức phụ cấp khu vực = 1,00 thì hàng tháng được hưởng phụ cấp khu vực là:

$$(290.000 \text{ đồng/tháng} \times 0,30) \times 1,00 = 87.000 \text{ đồng/tháng.}$$

b- Các khoản phụ cấp tính theo tỷ lệ % được tính trên mức phụ cấp quân hàm thực tế của Hạ sĩ quan, Binh sĩ.

Ví dụ: Đồng chí C, cấp bậc Hạ sĩ (năm thứ 2) làm nhiệm vụ ở đảo Thổ Chu (tỉnh Kiên Giang) có mức phụ cấp đặc biệt là 50%, thì được hưởng phụ cấp là:

$$(290.000 \text{ đồng/tháng} \times 0,40) \times 50\% = 58.000 \text{ đồng/tháng.}$$

3- Các khoản phụ cấp quy định bằng mức tiền cụ thể như: Phụ cấp ngày đi biển; Phụ cấp phẫu thuật; Phụ cấp thường trực .v.v... thì giữ nguyên như quy định hiện hành.

4- Các khoản trợ cấp tính theo lương tối thiểu như: Trợ cấp xuất ngũ của Hạ sĩ quan, Binh sĩ; Trợ cấp tạo việc làm v.v... từ ngày 01/01/2003 đều được tính lại trên mức lương tối thiểu là 290.000 đồng/tháng.

Ví dụ: Trợ cấp tạo việc làm của Hạ sĩ quan, Binh sĩ xuất ngũ được hưởng từ ngày 01/01/2003 là:

$$290.000 \text{ đồng/tháng} \times 3 \text{ tháng} = 870.000 \text{ đồng.}$$

Cụ thể các mức lương, phụ cấp và trợ cấp của các đối tượng được hưởng được tính lại như phụ lục kèm theo. Riêng mức lương theo ngạch, bậc, chức vụ của công nhân viên chức quốc phòng vì có nhiều thang, bảng lương nên các đơn vị căn cứ vào công thức để tính lại mức lương mới cho công nhân viên chức quốc phòng.

C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1- Căn cứ vào hướng dẫn điều chỉnh lại mức lương, phụ cấp và trợ cấp các đơn vị lập báo cáo quỹ tiền lương, phụ cấp tăng thêm năm 2003 (Mẫu số 01); báo cáo ngân sách tăng thêm cho việc thực hiện ra quân năm 2003 (Mẫu số 02); báo cáo thu BHYT tăng thêm năm 2003 (Mẫu số 03); báo cáo thu chi BHXH tăng thêm năm 2003 (Mẫu số 04, 05) gửi về Bộ (qua Cục Tài chính - BQP) trước ngày 31/03 /2003 để duyệt triển khai thực hiện.

2- Khi chi trả tiền lương mới được điều chỉnh đối với các đối tượng nói trên, đồng thời phải tính thu tiền BHXH và BHYT theo quy định của Nhà nước trên cơ sở mức lương và phụ cấp đã được tính lại theo hướng dẫn tại Thông tư này.

3- Các doanh nghiệp trong quân đội, trong khi chưa có hướng dẫn thực hiện việc điều chỉnh mức lương tối thiểu đối với các doanh nghiệp của Bộ Lao động Thương binh và xã hội, thì việc đóng và hưởng BHXH BHYT được tính trên cơ sở mức lương tối thiểu 290.000 đồng/tháng từ ngày 01/01/2003.

4- Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày Nghị định số 03/2003/NĐ-CP ngày 15/01/2003 của Chính phủ có hiệu lực thi hành. Quân nhân, công nhân viên chức quốc phòng hưởng lương, phụ cấp, trợ cấp từ nguồn kinh phí thuộc ngân sách nhà nước được truy lĩnh phần lương, phụ cấp, trợ cấp tăng thêm từ ngày 01/01/2003.

5- Cục trưởng Cục Tài chính và chỉ huy các cơ quan, đơn vị liên quan có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện Thông tư này.

Phụ lục 1: Bảng lương quân hàm sĩ quan

Đơn vị tính: Đồng

STT	Cấp hàm	Hệ số	Mức lương từ 01/01/2003
1	Đại tướng	8,80	2.552.000
2	Thượng tướng	8,30	2.407.000
3	Trung tướng	7,70	2.233.000
4	Thiếu tướng	7,20	2.088.000
5	Đại tá	6,50	1.885.000
6	Thượng tá	5,90	1.711.000
7	Trung tá	5,30	1.537.000
8	Thiếu tá	4,80	1.392.000
9	Đại úy	4,15	1.203.500
10	Thượng úy	3,80	1.102.000
11	Trung úy	3,50	1.015.000
12	Thiếu úy	3,20	928.000

Phụ lục 2: Bảng nâng lương quân hàm sĩ quan

Đơn vị tính: Đồng

Cấp hàm	Lần 1		Lần 2	
	Hệ số	Từ 01/01/2003	Hệ số	Từ 01/01/2003
Đại tá	6,85	1.986.500	7,20	2.088.000
Thượng tá	6,20	1.798.000	6,50	1.885.000
Trung tá	5,60	1.624.000	5,90	1.711.000
Thiếu tá	5,05	1.464.500	5,30	1.537.000
Đại úy	4,50	1.305.000	4,80	1.392.000
Thượng úy	4,00	1.160.000	4,15	1.203.500

Phụ lục 3: Bảng phụ cấp chức vụ lãnh đạo

Đơn vị tính: Đồng

STT	Chức vụ lãnh đạo	Hệ số	Mức phụ cấp từ 01/01/2003
1	Bộ trưởng Bộ Quốc phòng	1,15	333.500
2	Tổng tham mưu trưởng	1,10	319.000
3	TL quân khu, quân chủng	1,00	290.000
4	Tư lệnh quân đoàn	0,90	261.000
5	Phó tư lệnh quân đoàn	0,80	232.000
6	Sư đoàn trưởng	0,70	203.000
7	Lữ đoàn trưởng, Phó sư đoàn trưởng	0,60	174.000
8	Trung đoàn trưởng	0,50	145.000

9	Phó trung đoàn trưởng	0,40	116.000
10	Tiểu đoàn trưởng	0,35	101.500
11	Phó tiểu đoàn trưởng	0,30	87.000
12	Đại đội trưởng	0,25	72.500
13	Phó đại đội trưởng	0,20	58.000
14	Trung đội trưởng	0,15	43.500

Phụ lục 4: Bảng phụ cấp quân hàm hạ sĩ quan, binh sĩ

Đơn vị tính: Đồng

STT	Cấp hàm	Hệ số	Mức phụ cấp từ 01/01/2003
1	Thượng sĩ	0,60	174.000
2	Trung sĩ	0,50	145.000
3	Hạ sĩ	0,40	116.000
4	Binh nhất	0,35	101.500
5	Binh nhì	0,30	87.000

Phụ lục 5: Bảng lương quân nhân chuyên nghiệp

Đơn vị tính: Đồng

Chức danh	Bậc lương											
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
1. QNCN Cao cấp												
- Nhóm 1 Hệ số	2,88	3,18	3,48	3,78	4,08	4,38	4,68	4,98	5,28	5,58	5,88	6,18
Mức lương từ 01/01/2003	835.200	922.200	1.009.200	1.096.200	1.183.200	1.270.200	1.357.200	1.444.200	1.531.200	1.618.200	1.705.200	1.792.200
- Nhóm 2 Hệ số	2,65	2,95	3,25	3,55	3,85	4,15	4,45	4,75	5,05	5,35	5,65	5,95
Mức lương từ 01/01/2003	768.500	855.500	942.500	1.029.500	1.116.000	1.203.500	1.290.500	1.377.500	1.464.500	1.551.500	1.638.500	1.725.500
2. QNCN Trung cấp												
- Nhóm 1 Hệ số	2,65	2,90	3,15	3,40	3,65	3,90	4,15	4,40	4,65	4,90		
Mức lương từ 01/01/2003	768.500	841.000	913.500	986.000	1.058.000	1.131.000	1.203.500	1.276.000	1.348.500	1.421.000		
- Nhóm	2,40	2,65	2,90	3,15	3,40	3,65	3,90	4,15	4,40	4,65		